

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS - ST

Ngày: 13/4/2023.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Đức

2. Ông Ngô Văn Cơ

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST - DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐST – DS, ngày 02 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/QĐST-DS, ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T quận B – Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh T, Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1968.(Vắng mặt).

Bà Lê Thị T, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Bà Trịnh Thị Hồng M, sinh năm 1993.(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Bà Trịnh Thị Hồng N, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam do ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm nên ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Thị T, bà Trịnh Thị Hồng M có ký Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801412/HĐTD ngày 19/10/2018 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam(Viết tắt là Ngân hàng). Số tiền vay là 170.000.000 đồng, mục đích vay: Chi phí cải tạo ao và chi phí nuôi tôm, lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng. Sau khi vay thì ông Đ, bà T chưa thanh toán lãi cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi nào. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đ, bà T đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800498/HĐTC, ngày 18/10/2018 cụ thể: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 284, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.850 m², loại đất: Lúa, tọa lạc ấp Hữu Cạn, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 000038 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 02/11/1991 12 năm 2003 do ông Trịnh Văn Đ đứng tên.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà T, bà M trả nợ vốn là 168.000.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 80.228.341 đồng (trong đó lãi trong hạn là 79.388.054 đồng và lãi quá hạn là 840.287đồng), tổng cộng vốn và lãi là 248.228.341 đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đ và bà T, bà M trả dứt nợ gốc. Nếu ông Đ và bà T, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra khi vay tiền ông Đ có giao cho Ngân hàng giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trịnh Văn S là cha của ông Đ, việc giữ giấy chỉ để làm tin chứ không làm thủ tục thế chấp QSDĐ, vì vậy khi ông Đ hoàn trả xong khoản nợ trên thì Ngân hàng sẽ giao trả lại cho ông Đ 01 giấy chứng nhận QSDĐ của ông Sang như đã nêu trên.

- Đối với các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự nhưng ông Đ, bà T, bà M, bà Ngoan không hợp tác và từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX xử buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tính đến ngày 13/4/2023 tổng cộng là 248.228.341 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất nợ gốc. Trường hợp ông Đ và bà T, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ

lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đối với các bị đơn ông Trịnh Văn Đ và bà M, bà Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Đ, bà M, bà T bà N theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung:**

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trước đây Tòa án thụ lý vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nay HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng thì mới đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn hoàn trả số tiền vốn lãi tổng cộng là 248.228.341 đồng thì thấy:*

[3] Vào ngày 19/10/2018 ông Trịnh Văn Đ có ký Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801412/HĐTD ngày 19/10/2018 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để vay số tiền vốn là 170.000.000 đồng, mục đích vay: Chi phí cải tạo ao và chi phí nuôi tôm, lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng, sau khi vay thì ông Đ, bà T, bà M không thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi nào. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đ, bà T đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng cụ thể:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 284, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.850 m², loại đất: Lúa, tọa lạc ấp Hữu Cận, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 000038 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 02/11/1991 12 năm 2003 do ông Trịnh Văn Đ đứng tên.

Tại phiên tòa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu ông Đ và bà T, bà M hoàn trả nợ vốn là 168.000.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 80.228.341 đồng (trong này lãi trong hạn là 79.388.054 đồng và lãi quá hạn là 840.287 đồng), tổng cộng vốn và lãi là 248.228.341 đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đ và bà T, bà M trả dứt nợ gốc Trong trường hợp ông Đ và bà T, bà M không thanh toán đầy đủ số tiền vốn vay và các khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801412/HĐTD ngày 19/10/2018 thì phía nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ là giao cho ông Đ và bà T số tiền vốn vay như thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng phía bị đơn không thực hiện đúng hợp đồng như đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông Đ và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn là 168.000.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử sơ

thảm là 80.228.341 đồng (trong này lãi trong hạn là 79.388.054 đồng và lãi quá hạn là 840.287đồng), tổng cộng vốn và lãi là 248.228.341 đồng .

[5] Như vậy các bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng, là có lỗi. Căn cứ Điều 10 của hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801412/HĐTD ngày 19/10/2018 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà T, bà M có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 13/4/2023 là 248.228.341 đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đ và bà T, bà M trả dứt nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201800498/HĐTC, ngày 18/10/2018 đã ký giữa Ngân hàng với ông Đ và bà T thì trường hợp ông Đ và bà T, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 284, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.850 m², loại đất: Lúa, tọa lạc ấp Hữu Cận, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; sổ vào sổ cấp giấy 000038 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 02/11/1991 do ông Trịnh Văn Đ đứng tên để thu hồi nợ. Hiện nay trên phần đất đã thế chấp ngoài ông Đ và bà T thì còn có 02 người con chung của ông Đ, bà T là chị Trịnh Thị Hồng M và Trịnh Thị Hồng N đang sử dụng. Vì vậy đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng là có căn cứ do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và khi ông Đ và bà T, bà M không thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng thì cần buộc những người hiện đang sử dụng trên đất gồm ông Đ, bà T, chị M, chị Ngoan phải có trách nhiệm giao lại phần đất trên cho cơ quan có thẩm quyền để phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Phú về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 13/04/2023 số tiền là 248.228.341 đồng (trong này vốn là 168.000.000đồng và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 80.228.341 đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đ và bà T, bà M trả dứt nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận. Nếu trường hợp ông Đ và bà T không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng số vốn và lãi còn nợ như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp nêu trên.

[8] Đối với việc hiện nay Ngân hàng đang giữ 01 giấy chứng nhận QSDĐ của ông Trịnh Văn S: Do khi giao dịch vay tiền của Ngân hàng ông Đ có giao cho Ngân hàng giữ 01 giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Trịnh Văn S (là cha của ông Đ) để làm tin. Vì vậy đồng thời với việc buộc ông Đ, bà T hoàn trả số nợ trên thì phía Ngân hàng cũng phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Đ và bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trịnh Văn S mà hiện Ngân hàng đang giữ.

[9] Đối với quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị Hồng M là bị đơn trong vụ án HĐXX xét thấy: Mặc dù vợ chồng ông Đ và bà T là người vay tiền của Ngân hàng và đã thế chấp tài sản để bảo đảm khoản nợ vay nhưng tại giấy ủy quyền dành cho hộ gia đình để vay vốn của Ngân hàng ngày 18/10/2018 thì bà T, bà M đã ủy quyền cho ông Đ được xác lập, thực hiện việc giao dịch vay vốn của Ngân hàng vì vậy cần xác định bà M là bị đơn trong vụ án và buộc bà M cùng ông Đ, bà T cùng phải có trách nhiệm liên đới thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.411.417 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đ và bà T phải chịu số tiền là 700.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên Đ và bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 700.000 đồng.

[12] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 317; Điều 318; 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. Xử buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Thị T, bà Trịnh Thị Hồng M phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền vốn và lãi tính đến ngày 13/4/2023 số tiền là 248.228.341 đồng, (trong đó vốn là 168.000.000 đồng, lãi là 80.228.341 đồng) .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Đ và bà T, bà M còn phải chịu lãi trên số nợ gốc theo lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801412/HĐTD ngày 19/10/2018 cho đến khi hoàn tất nợ gốc.

Trong trường hợp ông Đ và bà T, bà M không trả vốn và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, để đảm bảo việc thu hồi nợ thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành dân sự huyện Mỹ Xuyên phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7608LCP201800498/HĐTC, ngày 18/10/2018 đã ký giữa Ngân hàng với ông Đ và bà T đối với quyền sử dụng đất thửa

số 284, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.850 m², loại đất: Lúa, tọa lạc ấp Hữu Cận, xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Sổ vào sổ cấp giấy 000038 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 02/11/1991 do ông Trịnh Văn Đ đứng tên. Ông Đ, bà T, bà M, bà N phải cùng có trách nhiệm liên đới giao toàn bộ tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ nếu ông Đ và bà T không thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ trên.

Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Đ và bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 000038 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 02/11/1991 do ông Trịnh Văn S đứng tên mà hiện nay Ngân hàng đang giữ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.800.000 đồng theo biên lai thu số 0005495, ngày 05/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Thị T, bà Trịnh Thị Hồng M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.411.417 đồng.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đ và bà T, bà M phải chịu số tiền là 700.000 đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thạnh Phú đã nộp tạm ứng trước nên ông Đ và bà T, bà M có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 700.000 đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm..

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

